TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-06-2019
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, chia nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Thắm;

2. Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1951 (có đơn vắng mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Tr, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, L, phường Th, Quận B, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc H (xin vắng), Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (văn bản ủy quyền 510/QĐ/HĐTV - PC ngày 19/6/2014).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 01 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án thể hiện nguyên đơn ông Bùi Văn Tr trình bày yêu cầu:*

Ông Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ H chung sống với nhau vào năm 1977, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, không lập thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách dạy dỗ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2014.

Về con chung có 08 người, lớn nhất 41 tuổi, nhỏ nhất 25 tuổi, có gia đình riêng và có khả năng lao động nên không đặt ra yêu cầu về con chung.

Về chia tài sản chung: Ông bà có 01 phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 30.390 m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số T005261 ngày 13/11/2001 cho hộ Bùi Văn Tr giá trị khoảng 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), tọa lạc tại ấp Tr, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau, ông Tr yêu cầu chia đôi giá trị.

- Về nợ trả: Ông Tr yêu cầu chia đôi trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện N số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và lãi.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, ông Tr gửi đơn yêu cầu rút lại toàn bộ phần khởi kiện chia tài sản chung và nợ trả.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H:* Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tống đạt thông báo phiên họp, phiên hòa giải 02 lần nhưng đương sự không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N, Người đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến:*

Tại công văn số 17/CV-NHNoNC ngày 06 tháng 3 năm 2019 thể hiện, Ngân hàng có ký hợp đồng cho ông Tr, bà H vay tiền và đảm bảo việc vay có thế chấp quyền sử dụng đất số T005261 ngày 13/11/2001 diện tích 30.390m^2, trường hợp chia tài sản chung liên quan đến quyền sử dụng đất thì yêu cầu ông Tr và bà H thanh toán tiền vốn vay và lãi theo hợp đồng đã ký. Ai nhận quyền sử dụng đất thì người đó sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng; Ngân hàng sẽ khởi kiện khi quyền lợi bị xâm phạm.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục Tố tụng:

- Ông Bùi Văn Tr và đại diện hợp pháp của Ngân hàng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà H.

- Ông Bùi Văn Tr khởi kiện yêu cầu Ly hôn, yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia nợ chung đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H. Sau khi Tòa án thụ lý và quá trình giải quyết vụ án, ngày 04 tháng 04 năm 2019 ông Tr có đơn gửi đến Tòa án yêu cầu rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 219 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của ông Tr.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Bùi Văn Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ H chung sống với nhau vào năm 1977, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến nay không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, việc sống chung với nhau như vợ chồng giữa ông Tr và bà H là tự nguyện và khi kết hôn đã thực sự coi nhau như vợ chồng, có 08 người con chung, con lớn nhất 41 tuổi, người con nhỏ nhất 25 tuổi, hiện nay 08 người con đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà chung sống công khai và gánh vác chung công việc gia đình, được họ hàng, xã hội thừa nhận coi như vợ chồng và địa phương có xác nhận là ông bà chung sống với nhau từ năm 1977 đến nay chưa đăng ký kết hôn (bút lục số 45); tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết"*. Ông Tr, bà H sống chung năm 1977, theo hướng dẫn tại Nghị Quyết 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân giữa ông Tr, bà H được xem là hôn nhân thực tế.

Quá trình chung sống với nhau, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian dài sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn nên ông Tr làm đơn xin ly hôn, bà H không có ý kiến.

Xét thấy, bà H không có thiện chí trong việc hàn gắn hôn nhân, bởi lẽ: Tòa án tống đạt thông báo thụ lý về việc giải quyết vụ án bà H cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ông Tr, Tòa án thông báo 02 lần hòa giải bà H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Từ những phân tích trên, xét thấy hôn nhân giữa ông Tr và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tr, ông Tr được ly hôn với bà H.

[2]. Về nuôi con chung: Ông Tr xác định có 08 người con chung, lớn nhất 41 tuổi, nhỏ nhất 25 tuổi, hiện nay các anh chị đã trưởng thành có gia đình riêng sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về chia tài sản chung và công nợ: Bà H không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về nợ trả: Đối với khoản nợ vay Ngân hàng N, Ngân hàng xác định trường hợp đương sự yêu cầu chia tài sản chung phải trả nợ Ngân hàng, hiện nay các đương sự không đặt ra yêu cầu chia tài sản chung và Ngân hàng không khởi kiện nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu. Do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Tr không có nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung của ông Bùi Văn Tr, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn Tr về việc khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H. Ông Bùi Văn Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông Bùi Văn Tr được miễn nộp.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính